

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ

Căn cứ Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 210/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2019 về việc “ Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Bà Lê Ngọc D, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Khóm 3, thị xã G, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

Và ông Lưu Thu Tr, sinh năm 1974;

Địa chỉ: 47 Thoại Ngọc Hầu, phường H, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Tr và bà D bà tự nguyện chung sống vào khoảng năm 2001, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 19, quận T, Tp. Hồ Chí Minh (nay là phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 201, quyển số 02, ngày 12/11/2002.

Quá trình sống chung, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng bắt đầu từ năm 2010 thì gia đình làm ăn thua lỗ nên phải bán nhà để trả nợ. Kể từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã khiến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Đến tháng 11 năm 2014 thì cả hai bắt đầu sống ly thân cho đến nay. Nay hai bên nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể giải quyết được, cả hai không còn cuộc sống chung nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về quan hệ con chung: Ông Tr và bà D xác nhận có 02 con chung tên Lưu Kim Ng, sinh ngày 10/02/2003 và Lưu Ngọc L, sinh ngày 03/01/2006. Sau khi ly hôn, cả hai thỏa thuận ông Lưu Thu Tr trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Ông Lưu Thu Tr không yêu cầu bà Lê Ngọc D cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Ông Tr và bà D cùng xác nhận không có.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không

có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Ngọc D và ông Lưu Thu Tr thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân của bà Lê Ngọc D và ông Lưu Thu Tr chấm dứt và Giấy chứng nhận kết hôn số 201, quyển số 02, do Ủy ban nhân dân phường 19, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường H, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 12/11/2002 hết hiệu lực kể từ ngày quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Ông Lưu Thu Tr trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Lưu Kim Ng, sinh ngày 10/02/2003 và Lưu Ngọc L, sinh ngày 03/01/2006. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bà D do ông Tr không yêu cầu.

+ Bà D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

+ Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích; Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

+ Khi cần thiết, ông Tr có quyền yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông Tr, bà D cùng xác nhận không có.

- Về các vấn đề khác: Ông Tr, bà D cùng xác nhận không có nợ chung.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Lệ phí ly hôn là 300.000 đồng do bà Lê Ngọc D và ông Lưu Thu Tr chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà ông Tr và bà D đã nộp theo Biên lai thu số 0012650 ngày 22/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú. Ông Tr và bà D đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú;
- Ủy ban nhân dân phường H, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Tuyết Nhung